

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2022/HS-ST**.

Ngày: **22 – 02 – 2022**.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tuất.

2. Bà Huỳnh Thị Yến.

Thư ký phiên tòa: Ông Biện Việt Cường - Thư ký Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày **22** tháng **02** năm **2022**, tại Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: **02/2022/TLST-HS** ngày **07** tháng **01** năm **2022** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **06/2022/QĐXXST-HS**, ngày **07** tháng **02** năm **2022**, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Tấn G**, sinh năm 1978 tại thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: **Thôn E, xã F, huyện L, tỉnh Bình Thuận**; nghề nghiệp: **Không có nghề nghiệp ổn định**; trình độ văn hóa (học vấn): **Không biết chữ**; dân tộc: **Kinh**; giới tính: **Nam**; tôn giáo: **Không**; quốc tịch: **Việt Nam**; con ông **Phạm Văn O** và bà **Phạm Thị N** (đều đã chết); vợ: **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1986; con: Có **02** người con, **lớn nhất** sinh năm 2005, **nhỏ nhất** sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày **24/11/2021** cho đến nay. **Có mặt tại phiên tòa.**

- Bị hại: **Bà Hồ Thị H**, sinh năm 1946; nơi cư trú: **Thôn E, xã F, huyện L, tỉnh Bình Thuận**. Có mặt.

- Người làm chứng:

Nguyễn Thị T, sinh năm 1986; nơi cư trú: **Thôn E, xã F, huyện L, tỉnh Bình Thuận**. Vắng mặt không có lý do.

Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh năm 1999; nơi cư trú: **Thôn E, xã F, huyện L, tỉnh Bình Thuận**. Vắng mặt không có lý do.

Nguyễn Thị H1, sinh năm 1975; nơi cư trú: **Thôn 7, xã F, huyện L, tỉnh Bình Thuận**. Có mặt.

Nguyễn D, sinh năm 1968; nơi cư trú: **Thôn E, xã F, huyện L, tỉnh Bình Thuận**. Có mặt.

Phạm Ngọc T1, sinh năm 2009; nơi cư trú: **Thôn E, xã F, huyện L, tỉnh Bình Thuận**. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi của bị cáo theo Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố: Khoảng 17 giờ, ngày 24/8/2021, bị cáo Phạm Tấn G đến nhà bà Hồ Thị H (là mẹ vợ của bị cáo) ở Thôn E, xã F, huyện L, tỉnh Bình Thuận để xin ở lại thì bà H đồng ý. Do có mâu thuẫn vợ chồng từ trước nên chị Nguyễn Thị T (là vợ của bị cáo) nói với bà H: “*Má cho anh ở thì con đi*”, nói xong thì chị T bỏ qua nhà chị Nguyễn Thị H1 (là chị gái của chị T, nhà ở thôn 7, xã F, huyện L, tỉnh Bình Thuận) xin ngủ nhờ. Khoảng 21 giờ 00 phút cùng ngày, bà H và cháu Phạm Ngọc T1 (là con ruột của bị cáo) tắt điện đi vào phòng ngủ, còn bị cáo G nằm trên võng ở dãy đường luồng trong nhà. Đến khoảng 03 giờ sáng ngày 25/8/2021, bị cáo G nghe có tiếng người nói bên ngoài đòi giết bị cáo. Lúc này bà H thức dậy, đi xuống nhà bếp bật đèn mở cửa để đi vệ sinh. Thấy vậy, bị cáo G nghi ngờ bà H mở cửa cho người khác vào đánh bị cáo nên bị cáo đi đến ôm bà H từ phía sau, đồng thời bị cáo lấy 01 con dao để ở trên bàn ăn cắt nhiều nhát vào người bà H nhưng chỉ trúng áo nên không gây thương tích. Bà H chống cự làm con dao trên tay bị cáo rớt xuống nền nhà bếp. Bị cáo G tiếp tục vật ngã bà H ngã xuống nền nhà, rồi bị cáo lấy 01 cây kéo ở gần đó đâm nhiều nhát vào người bà H gây thương tích. Sau khi thấy bà H nằm bất động, bị cáo sợ bà H chết thì mấy anh em trong nhà sẽ giết bị cáo nên bị cáo lấy cây dao trước đó tự cắt vào cổ mình để tự sát và bất tỉnh. Sau đó, bà H và bị cáo G được mọi người đưa đi cấp cứu.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 323/2021/TgT ngày 14/10/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Bình Thuận, kết luận thương tích của bà Hồ Thị H như sau:

- Vết thương phần mềm vùng mũi – khóe mắt trái kéo dài đến thái dương trái (không liên tục) đã được điều trị, hiện để lại sẹo lành kích thước: 7,5 x 0,1cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 6%.

- Vết thương phần mềm vùng ngực trái đã được điều trị, hiện để lại sẹo lành kích thước: 3,5 x 0,2cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 1%.

- Vết thương phần mềm bờ dưới xương ức bên trái đã được điều trị, hiện để lại sẹo lành kích thước: 2,5 x 0,2cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 1%.

- Vết thương phần mềm bờ dưới xương ức bên phải đã được điều trị, hiện để lại sẹo lành kích thước: 1,5 x 0,2cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 1%.

- Vết thương phần mềm vùng hông trái đã được điều trị, hiện để lại sẹo lành kích thước: 1,2 x 0,9cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 2%.

- Vết thương phần mềm 1/3 dưới mắt trước cẳng tay trái đã được điều trị, hiện để lại sẹo lành kích thước: 0,7 x 0,1cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 1%.

- Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 12% (Mười hai phần trăm).

- Không có cơ sở xác định thương tích của bà H nếu không được cấp cứu kịp thời có thể dẫn đến chết người hay không.

Tại Cáo trạng số: 03/CT-VKSND-TL ngày 05/01/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Bình Thuận đã truy tố bị cáo **Phạm Tấn G** về tội “**Cố ý gây thương tích**” theo điểm **đ** khoản **2** Điều **134** Bộ luật hình sự năm **2015** (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Bình Thuận khẳng định Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo **Phạm Tấn G** phạm tội “**Cố ý gây thương tích**”; đề nghị xem xét áp dụng điểm **đ** khoản **2** Điều **134**, điểm **s** khoản **1** Điều **51**, điểm **i** khoản **1** Điều **52** của Bộ luật hình sự năm **2015** (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt **bị cáo Phạm Tấn G** với mức án từ **30 tháng đến 36 tháng tù**.

Bị cáo thống nhất với tội danh, điều khoản pháp luật và mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng, không có ý kiến tranh luận.

Bị hại không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên:

Quá trình điều tra, truy tố, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ai thắc mắc, khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên. Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó hoạt động tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên là hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ những người làm chứng chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị Hồng Nh, em Phạm Ngọc T1 tham gia phiên tòa nhưng những người này đều vắng mặt không có lý do; tuy nhiên những người này đã khai báo đầy đủ, rõ ràng trong hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt những người này không làm ảnh hưởng đến tính chính xác, khách quan của vụ án. Hơn nữa bị cáo, bị hại bà Hồ Thị H và đại diện Viện kiểm sát đều đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, quyết định xét xử vắng mặt những người làm chứng này là đúng pháp luật.

[3] Về thẩm quyền giải quyết:

Bị cáo bị truy tố về tội “**Cố ý gây thương tích**” theo quy định tại **đ** khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), có mức hình phạt cao nhất đến **06 năm tù**, là thuộc tội phạm nghiêm trọng quy định tại điểm **b** khoản 1 Điều 9 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tội phạm được thực hiện tại địa bàn huyện L, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Thuận căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 268 và khoản 1 Điều 269 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[4] Về định tội danh; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hướng xử lý:

Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội; lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án; do đó có đủ căn cứ xác định bị cáo đã thực hiện hành vi như sau: Khoảng 03 giờ, ngày 25/8/2021, tại phòng bếp nhà bà Hồ Thị H ở Thôn E, xã F, huyện L, tỉnh Bình Thuận, lúc đèn điện trong phòng bếp nhà bà H đang được bật sáng, bị cáo Phạm Tấn G đã có hành vi cố ý dùng 01 cây kéo bằng kim loại dài 22,8cm đâm nhiều nhất trúng vào vùng mũi - khóe mắt trái kéo dài đến thái dương trái, vùng ngực trái, vùng bờ dưới xương ức bên trái, vùng bờ dưới xương ức bên phải, vùng hông trái và dưới mặt trước cẳng tay trái của bà Hồ Thị H, gây thương tích cho bà H với tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 12%, không có cơ sở xác định thương tích của bà H nếu không được cấp cứu kịp thời có thể dẫn đến chết người hay không (Theo Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 323/2021/TgT ngày 14/10/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Bình Thuận – Bút lục số 22, 23).

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật; thế nhưng chỉ vì bị cáo tự lo sợ có người vào nhà đánh bị cáo do mâu thuẫn giữa vợ chồng bị cáo mà bị cáo đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm sức khỏe của người khác, cố ý gây thương tích cho bà Hồ Thị H với tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 12%. Do đó hành vi của bị cáo **Phạm Tấn G** đã đủ yếu tố cấu thành tội “**Cố ý gây thương tích**” quy định tại Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bà H và bị cáo không có mâu thuẫn gì nhưng bị cáo vô cớ sử dụng cây kéo bằng kim loại đâm nhiều nhất vào người của bà H, gây thương tích cho bà H là thuộc trường hợp “**Dùng hung khí nguy hiểm**” và “**Có tình chất côn đồ**” quy định tại các điểm **a, i** khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân huyện L, tỉnh Bình Thuận truy tố đối với **bị cáo** về tội “**Cố ý gây thương tích**” theo quy định tại điểm **đ** khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

Bị hại bà Hồ Thị H sinh năm 1946, tại thời điểm bị cáo gây thương tích cho bà H (rạng sáng ngày 25/8/2021), bà H đã trên 70 tuổi nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm **i** khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Sau khi phạm tội cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo **Phạm Tấn G** đã thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm **s** khoản **1** Điều **51** của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Hành vi bị cáo đã thực hiện làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, gây bất bình, hoang mang trong quần chúng nhân dân. Mặc dù bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng đồng thời bị cáo cũng bị áp dụng một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên bị cáo không được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Vì vậy, cần xét xử bị cáo thật nghiêm minh theo quy định của Pháp luật hình sự, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi bị cáo đã thực hiện; cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một khoảng thời gian phù hợp, để răn đe, cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị hại bà Hồ Thị H không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xét xử, giải quyết.

[6] Về vật chứng:

- Đối với vật chứng là 01 cây kéo có chiều dài 22,8cm, kéo có 02 mũi trong đó có một mũi nhọn và một mũi tù, kéo bằng kim loại, phần cán của cây kéo có bọc nhựa màu đen, phần lưỡi kéo (phần cạnh sắc) có mũi nhọn dài 13,6cm, phần lưỡi kéo (phần cạnh sắc) có mũi tù dài 13,3cm; hiện đang do Chi cục thi hành án dân sự huyện L bảo quản (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/01/2021 – Bút lục số 99). Xét cây kéo này thuộc quyền sở hữu của bị hại bà Hồ Thị H nhưng bà H xác định do cây kéo có giá trị không lớn nên bà H không nhận lại cây kéo này; hơn nữa cây kéo này là công cụ bị cáo đã sử dụng để phạm tội. Vì vậy cần căn cứ vào điểm **a** khoản **1** Điều **47** của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017) và các điểm **a, c** khoản **2** Điều **106** của Bộ luật tố tụng hình sự, xử tịch thu và tiêu hủy cây kéo này.

- Đối với vật chứng là con dao lưỡi bằng kim loại mà theo lời khai của bị cáo Phạm Tấn G, bị cáo sử dụng để hù dọa, cửa vào người bị hại bà Hồ Thị H thì Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã truy tìm nhưng chưa tìm thấy nên Hội đồng xét xử không xét xử, xử lý trong bản án này.

[7]. Về án phí:

Cần buộc bị cáo **Phạm Tấn G** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản **2** Điều **136** của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm **a** khoản **1** Điều **23** Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Về tội danh:

Căn cứ vào Điều **134** của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017): Tuyên bố **bị cáo Phạm Tấn G** phạm tội “**Cố ý gây thương tích**”.

[2]. Về hình phạt:

Căn cứ vào điểm **d** khoản **2** Điều **134**, điểm **s** khoản **1** Điều **51**, điểm **i** khoản **1** Điều **52** của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo **Phạm Tấn G 03 (Ba) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

[3]. Về vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017) và các điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy vật chứng trong vụ án gồm: 01 cây kéo có chiều dài 22,8cm, kéo có 02 mũi trong đó có một mũi nhọn và một mũi tù, kéo bằng kim loại, phần cán của cây kéo có bọc nhựa màu đen, phần lưỡi kéo (phần cạnh sắc) có mũi nhọn dài 13,6cm, phần lưỡi kéo (phần cạnh sắc) có mũi tù dài 13,3cm; hiện đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện L bảo quản (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/01/2021 – Bút lục số 99).

[4]. Về án phí:

Căn cứ vào khoản **2** Điều **136** của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm **a** khoản **1** Điều **23** Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo **Phạm Tấn G** phải chịu **200.000đồng** án phí hình sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo:

Án xử sơ thẩm công khai; bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án – Ngày **22/02/2022** (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện L;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- CQCSĐT CA.huyện L;
- CQ THAHS CA H. L;
- NTG CA huyện L;
- UBND xã **F**;
- Sở TP **tỉnh Bình Thuận**;
- CC THA DS (khi án có HLPL);
- Lưu án văn VP, lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Văn Khánh